



CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ
NHÀ MÁY TINH BỘT SẢN HƯỚNG HÓA
Địa chỉ: Km3 – xã Thuận – Hướng Hóa – Quảng Trị
Điện thoại: 0233.3764 164 - Fax: 0233 3764 164

Quảng Trị, ngày 16 tháng 05 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Khách hàng

Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa - trực thuộc Tổng công ty Thương Mại Quảng Trị tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện hạng mục: Bể lắng hóa lý, cụm xử lý hóa lý, thuộc dự án: Đầu tư máy móc thiết bị nâng công suất dây chuyền 3 lên 130-140 tấn/ngày và nâng cấp hệ thống xử lý môi trường, tại Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa, xã Thuận, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa trân trọng kính mời các Công ty có đủ năng lực tham gia chào giá hạng mục nêu trên.

1. Thông tin chào giá

Thông tin khối lượng chi tiết của hạng mục như hồ sơ yêu cầu chào giá kèm theo.

2. Yêu cầu về chào giá

- Thời gian nhận hồ sơ chào giá từ ngày 17/05/2024 - 19/05/2024.
- Thời gian nộp bảng chào giá của nhà thầu: **Trước 8 giờ 00 phút ngày 22/05/2024.**

3. Địa chỉ tiếp nhận thông tin

Bảng chào giá Quý công ty vui lòng gửi về địa chỉ:

Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa – KM3, xã Thuận, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- Số điện thoại: 0942.090.993 (Chị Nhân)

Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa rất mong nhận được sự tham gia của Quý công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KT



Lê Ngọc Sáng



CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ
NHÀ MÁY TINH BỘT SẢN HƯƠNG HÓA
Địa chỉ: Km3 – xã Thuận – Hương Hóa – Quảng Trị
Điện thoại: 0233.3764 164 - Fax: 0233 3764 164

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Gói thầu: BỂ LẮNG HÓA LÝ, CỤM XỬ LÝ HÓA LÝ

Thuộc dự án: ĐẦU TƯ MÁY MÓC THIẾT BỊ NÂNG CÔNG SUẤT

DÂY CHUYỀN 3 LÊN 130 – 140 TẤN/NGÀY
VÀ NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG

Địa điểm: Nhà máy tinh bột sản Hương Hóa
Km3, Xã Thuận, huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị

Quảng Trị, ngày 16 tháng 05 năm 2024
Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
NHÀ MÁY TINH BỘT SẢN HƯƠNG HÓA



Lê Ngọc Sáng

Tháng 05 năm 2024

Chương I. CHI DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị
2. Tên bên mời thầu là: Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa
3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh (nộp báo giá) gói thầu: Bê lắng hóa lý, cụm xử lý hóa lý, thuộc dự án đầu tư: Đầu tư máy móc thiết bị nâng công suất dây chuyền 3 lên 130-140 tấn/ngày và nâng cấp hệ thống xử lý môi trường, tại Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa, xã Thuận, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
5. Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập; Có chứng nhận đăng ký thuế.
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Mục 3. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.
2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

Mục 4. Thành phần của HSCG

HSCG do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Bản cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu.

Mục 5. Đơn chào giá và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào giá và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu



không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 60 ngày, kể từ ngày báo giá.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp hồ sơ chào giá bao gồm: *01 bản gốc*, trực tiếp, hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ:

Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa, Km3, xã Thuận, Hướng Hóa, Quảng Trị. Điện thoại: 0233 764.164, không muộn hơn 8 giờ ngày 22/05/2024

Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: Tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 8. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có hồ sơ chào giá đầy đủ như quy định tại mục 4 bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất trong các đơn vị cùng chào giá và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 9. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự theo đường bưu điện, fax.

042
CHI
NG T
TỔNG
NG N
NH
TINH
HỨC
NH

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Nhà thầu báo giá trên cơ sở khối lượng thi công gói thầu theo yêu cầu như sau:

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	BÈ LĂNG BÙN SINH HỌC		
	Phần xây dựng bê		
1	Đào móng bằng máy đào 0,8m ³ , chiều rộng móng >20m - Cấp đất III	100m ³	16,052
2	Đào rãnh đặt đường ống bằng thủ công, rộng ≤1m, sâu ≤1m - Cấp đất III	1m ³	4,800
3	Vận chuyển đất đào đi đổ và gửi ngoài phạm vi thi công bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi ≤300m - Cấp đất III	100m ³	16,100
4	Đắp cát đường ống bằng thủ công	m ³	3,293
5	Đảm chặt nền móng K95 bằng đầm đất cầm tay	100m ³	1,182
6	Ván khuôn bê tông đáy bể	100m ²	0,330
7	Bê tông lót đáy bể SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M100, đá 4x6, PCB30	m ³	35,281
8	Bê tông đáy bể SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng >300cm, M300, đá 1x2, PCB40	m ³	119,370
9	Ván khuôn gỗ thành bể cong, nghiêng, vữa vò đổ - Chiều dày ≤45cm	100m ²	7,151
10	Bê tông sản xuất bằng máy trộn và đổ bằng thủ công, bê tông bê chứa dạng thành cong, bê tông M300, đá 1x2, PCB40	m ³	108,820
11	Xây các bộ phận kết cấu phức tạp khác bằng gạch đặc 6x10x20cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, PCB40	m ³	1,200
12	Láng máng nước có đánh màu, dày 2cm, vữa XM M100, PCB40	m ²	30,615
13	Trát máng nước dày 2cm, vữa XM M100, PCB40 có treo hồ XM	m ²	107,325
14	Đánh màu bằng XM nguyên chất	m ²	107,325
15	Đắp cát tạo dốc đáy bể bằng thủ công	m ³	155,149
16	Lót bạt nilon chống mất nước xi măng	100m ²	3,175
17	Ván khuôn gỗ thành rãnh quanh chân ống lắng trung tâm	100m ²	0,012
18	Bê tông tạo dốc nền đáy bể SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M300, đá 1x2, PCB40	m ³	47,889
19	Láng bể nước lớp 1 dày 2cm, vữa XM M100, PCB40	m ²	320,421
20	Láng bể nước lớp 2 dày 2cm, vữa XM M100, PCB40	m ²	320,421
21	Xử lý mạch ngừng thi công bằng băng cản nước	m	256,224

16 -
 NH
 PH
 NG T
 QUẢN
 MÁY
 T SÁ
 HỒ
 ANH

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
22	Lắp dựng cốt thép bể nước, ĐK ≤10mm	tấn	1,059
23	Lắp dựng cốt thép bể nước, ĐK ≤18mm	tấn	19,992
24	Lắp đất bề bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,95 (tận dụng đất đào để lấp)	100m ³	2,443
25	Đào xúc đất để lấp móng tại vị trí gửi lên phương tiện vận chuyển bằng máy đào 1,25m ³ - Cấp đất III	100m ³	2,761
26	Vận chuyển đất lấp móng từ vị trí gửi ngoài phạm vi thi công đến hố móng bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi ≤300m - Cấp đất III	100m ³	2,761
	Hệ thống đường ống		
27	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng p/p hàn - Đường kính ống 63mm, dày 3mm	100 m	0,300
28	Lắp đặt ống nhựa HDPE đường kính 160mm bằng phương pháp hàn gia nhiệt, chiều dày 7,7mm	100m	0,200
29	Lắp đặt ống nhựa HDPE đường kính 400mm bằng phương pháp hàn gia nhiệt, chiều dày 19,1mm	100m	0,300
30	Lắp đặt cút nhựa HDPE đường kính 60mm bằng phương pháp hàn gia nhiệt, chiều dày 3,0mm	cái	5,000
31	Lắp đặt cút nhựa HDPE đường kính 160mm bằng phương pháp hàn gia nhiệt, chiều dày 7,7mm	cái	2,000
32	Lắp đặt cút nhựa HDPE đường kính 400mm bằng phương pháp hàn gia nhiệt, chiều dày 19,1mm	cái	5,000
33	Lắp đặt T nhựa HDPE đường kính 400mm bằng phương pháp hàn gia nhiệt, chiều dày 19,1mm	cái	2,000
34	Lắp đặt côn, cút nhựa HDPE - Đường kính 63mm	cái	125,000
35	Gia công hệ khung thép hộp mạ kẽm, sàn thao tác cánh gạt bùn	tấn	0,655
36	Gia công hệ khung thép ống mạ kẽm, lan can cánh gạt bùn	tấn	0,103
37	Gia công kết cấu thép dạng bình, bể, thùng tháp dạng hình cong	tấn	0,814
38	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m ²	56,129
39	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn, cánh gạt bùn	tấn	1,572
40	Sản xuất, lắp dựng bộ cổ gót	bộ	1,000
41	Lắp đặt mô tơ giảm tốc 0,75kw	bộ	1,000
42	Bánh xe nhựa chống mòn	bộ	6,000
43	Trục bánh xe	bộ	2,000
44	Ố bi trục + bánh răng	bộ	2,000
45	Xích quay	bộ	1,000
46	Caosu gạt bùn 150x1000	cái	12,000
47	Bulong D12x40mm	bộ	48,000
	CỤM XỬ LÝ HÓA LÝ		
	Phần xây dựng bể		
1	Đào móng bằng máy đào 0,8m ³ , chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	100m ³	5,721
2	Vận chuyển đất đào đi đổ và gửi ngoài phạm vi thi công bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi ≤300m - Cấp đất III	100m ³	5,721

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
3	Đảm chặt nền móng K95 bằng đầm đất cầm tay	100m ³	0,342
4	Ván khuôn bê tông đáy bể	100m ²	0,346
5	Bê tông lót đáy bể SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M100, đá 4x6, PCB30	m ³	9,875
6	Bê tông đáy bể SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng >300cm, M300, đá 1x2, PCB40	m ³	24,688
7	Ván khuôn thành bể - Chiều dày ≤45cm	100m ²	5,659
8	Bê tông sản xuất bằng máy trộn và đổ bằng thủ công, bê tông bê chứa dạng thành thẳng, bê tông M300, đá 1x2, PCB40	m ³	89,346
9	Xử lý mạch ngừng thi công bằng băng cản nước	m	238,400
10	Lắp dựng cốt thép bể nước, ĐK ≤10mm	tấn	0,222
11	Lắp dựng cốt thép bể nước, ĐK ≤18mm	tấn	10,996
12	Lấp đất bể bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,95 (tận dụng đất đào để lấp)	100m ³	2,260
13	Đào xúc đất để lấp móng tại vị trí gửi lên phương tiện vận chuyển bằng máy đào 1,25m ³ - Cấp đất III	100m ³	2,554
14	Vận chuyển đất lấp móng từ vị trí gửi ngoài phạm vi thi công đến hố móng bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi ≤300m - Cấp đất III	100m ³	2,554
	Hệ thống đường ống		
15	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 200mm	100m	1,150
16	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 300mm	100m	0,150
17	Lắp đặt côn, cút nhựa PVC miệng bát nối bằng dán keo - Đường kính 200mm	cái	10,000
18	Lắp đặt côn, cút nhựa PVC miệng bát nối bằng dán keo - Đường kính 300mm	cái	3,000



Chương III: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ chào giá

Hồ sơ chào giá của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- Có số lượng bản gốc theo quy định tại điều 7 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.
- Có các thành phần của hồ sơ chào giá theo yêu cầu tại Mục 4 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (Không áp dụng đối với nhà thầu liên danh)
- Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu.
- Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- Không có tên trong hai hoặc nhiều Hồ sơ chào giá với tư cách là nhà thầu chính.

Nhà thầu có Hồ sơ chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Đánh giá về năng lực: Kinh nghiệm và tài chính của nhà thầu

1. Nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công gói thầu có tính chất tương tự gói thầu này trong vòng 3 năm gần đây (từ năm 2020- năm 2023). (*Hồ sơ chào giá phải có bản sao 01 hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý để chứng minh*).

2. Báo cáo tài chính trong 1 năm gần nhất năm 2023, phải có doanh thu ≥ 10 tỷ đồng/năm và được xác nhận của cơ quan thuế.

(*Hồ sơ chào giá phải có bản sao báo cáo tài chính có xác nhận của cơ quan thuế để chứng minh*).

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu khi có báo giá đáp ứng đầy đủ về: Hạng mục, khối lượng, đơn vị, số lượng... như Chương II: Phạm vi, yêu cầu của gói thầu quy định.

Mục 4. Xác định giá chào

Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu khi bản chào giá có giá thấp nhất, sau khi giảm giá (nếu có)

556

HÀNH
CỔP
CÔNG
AI QUẢ
MÁY
BỘT S
NG H

QUẢN

Chương IV: BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: ___ [Điền ngày, tháng, năm ký cam kết]

Tên gói thầu: ___ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: ___ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá, văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số ___ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và thiết kế bản vẽ thi công đính kèm do ___ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, ___ [Ghi tên nhà thầu] cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và sẽ thực hiện gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu] theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt cũng như tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của bản yêu cầu báo giá.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Căn cứ vào yêu cầu phạm vi cung cấp được quy định tại Chương II, nhà thầu thực hiện bảng tổng hợp chào giá gói thầu, theo quy định của bảng sau:

1	2	3	4	5	6	7
STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (Cột 5x6)
I	Hạng mục 1:					A
1						
2						
II	Hạng mục 2: ...					B
...						
....						
Giá chào (A + B + ...) (Kết chuyển sang đơn chào hàng, trang số)						



Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (2) (3) (4) (5) Căn cứ theo phạm vi cung cấp được quy định tại Chương II. Cột (6) và (7) do nhà thầu chào giá.